

**PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**  
**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 72/2012/QĐ-UBND

Lào Cai, ngày 28 tháng 12 năm 2012

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định về chính sách ưu đãi đầu tư**  
**tại Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp ngày 03/6/2008;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 29/11/2005;

Căn cứ Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu ngày 14/6/2005;

Căn cứ Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế;

Căn cứ Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

Căn cứ Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 121/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 177/2007/NĐ-CP về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 87/2010/NĐ-CP ngày 13/8/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu;

Căn cứ Quyết định số 44/2008/QĐ-TTg ngày 26/3/2008 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động của Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai, tỉnh Lào Cai;

Căn cứ Quyết định số 33/2009/QĐ-TTg ngày 02/3/2009 của Thủ tướng Chính phủ ban hành cơ chế, chính sách đối với khu kinh tế cửa khẩu;

Căn cứ Quyết định số 93/2009/QĐ-TTg ngày 10/7/2009 của Thủ tướng Chính phủ

sửa đổi, bổ sung Khoản 4, Điều 21 Quyết định số 33/2009/QĐ-TTg ngày 02/3/2009 của Thủ tướng Chính phủ ban hành cơ chế, chính sách tài chính đối với khu kinh tế cửa khẩu;

Căn cứ Quyết định số 100/2009/QĐ-TTg ngày 30/7/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế hoạt động của khu phi thuế quan trong khu kinh tế, khu kinh tế cửa khẩu;

Căn cứ Quyết định số 16/2010/QĐ-TTg ngày 03/3/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bãi bỏ một số quy định tại các Quy chế hoạt động của Khu kinh tế cửa khẩu;

Căn cứ Quyết định số 24/2009/QĐ-TTg ngày 17/02/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế về kinh doanh bán hàng miễn thuế;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai tại Tờ trình số 581/TTr-SKH ngày 07/11/2012,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về chính sách ưu đãi đầu tư tại Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai.

**Điều 2.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Trưởng Ban quản lý các cửa khẩu Lào Cai, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Lào Cai; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 20/2010/QĐ-UBND ngày 10/8/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành Quy định về chính sách ưu đãi tại Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH  
CHỦ TỊCH**

*(đã ký)*

**Nguyễn Văn Vịnh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY ĐỊNH**

**Chính sách ưu đãi đầu tư tại Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai, tỉnh Lào Cai**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 72/2012/QĐ-UBND ngày 28/12/2012  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)*

### **Chương I**

#### **QUY ĐỊNH CHUNG**

##### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh:

a) Quy định này quy định chính sách ưu đãi đầu tư đối với các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài có hoạt động đầu tư, kinh doanh tại Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

b) Các nội dung liên quan khác đến ưu đãi đầu tư tại Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai, tỉnh Lào Cai không nêu trong bản Quy định này được thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh trong Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai.

##### **Điều 2. Phạm vi hành chính Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai**

Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai có phạm vi hành chính được quy định tại Khoản 2 Điều 2 Quy chế hoạt động của Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai, tỉnh Lào Cai ban hành kèm theo Quyết định số 44/2008/QĐ-TTg ngày 26/3/2008 của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi tắt là Quyết định số 44/2008/QĐ-TTg) cụ thể như sau:

1. Khu cửa khẩu quốc tế Lào Cai gồm: Phường Lào Cai, phường Phố Mới, phường Cốc Lếu, phường Duyên Hải, phường Kim Tân, xã Vạn Hoà, xã Đồng Tuyển thuộc thành phố Lào Cai; thôn Na Mo, xã Bản Phiệt thuộc huyện Bảo Thắng.

2. Khu cửa khẩu Mường Khương gồm toàn bộ xã Mường Khương (nay là thị trấn Mường Khương) thuộc huyện Mường Khương.

##### **Điều 3. Các khu kinh tế trọng điểm thuộc Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai**

1. Khu Thương mại Công nghiệp Kim Thành (sau đây gọi tắt là Khu Kim Thành): Quy mô theo quy hoạch chi tiết được phê duyệt tại Quyết định số 2969/QĐ-UBND ngày 10/10/2008 của UBND tỉnh Lào Cai, có các đặc điểm sau:

a) Có hàng rào cứng cách ly các hoạt động trong Khu Kim Thành với các khu chức năng khác của Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai.

b) Không có dân cư (kể cả người nước ngoài) thường trú hoặc tạm trú trừ các trường hợp sau đây và phải được phép của Ban quản lý các cửa khẩu Lào Cai:

- Công dân Việt Nam khi tham gia các hoạt động hợp pháp (đầu tư, sản xuất, kinh doanh, tham quan, du lịch, dịch vụ) trong Khu Kim Thành. Thời hạn lưu trú tùy thuộc vào thời hạn công dân tham gia các hoạt động nêu trên phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan;

- Đối với người nước ngoài, người Việt Nam mang hộ chiếu nước ngoài không thuộc diện miễn thị thực vào Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai được miễn thị thực nhập cảnh Việt Nam và được phép lưu trú tại Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai, nếu được sự đồng ý của Ban quản lý các cửa khẩu Lào Cai được phép lưu trú qua đêm tại Khu Kim Thành, thời hạn tối đa không quá 15 ngày;

- Đối với các trường hợp khác áp dụng theo quy định tại Điều 5 Mục 1 Chương II Quyết định số 32/2009/QĐ-UBND ngày 28/10/2009 của UBND tỉnh Lào Cai về sửa đổi, bổ sung một số quy định của Quy chế tạm thời quản lý hoạt động xuất, nhập cảnh qua các cửa khẩu biên giới thuộc Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

c) Quản lý việc ra, vào Khu Kim Thành

Có các trạm kiểm soát để giám sát, kiểm tra người, hàng hóa và các phương tiện vào, ra.

Cán bộ, công nhân viên của doanh nghiệp trong Khu Kim Thành và đối tác, khách mời của doanh nghiệp trong Khu Kim Thành được ra vào Khu Kim Thành.

Khách tham quan, du lịch trong nước và ngoài nước, các cá nhân tổ chức khác không phải là những đối tượng quy định nêu trên của Khoản này được ra vào Khu Kim Thành để tham dự các hoạt động triển lãm, giới thiệu, trưng bày sản phẩm và mua bán hàng hóa.

Việc ra, vào Khu Kim Thành phải tuân thủ những quy định của Ban quản lý các cửa khẩu Lào Cai và các cơ quan chức năng liên quan.

2. Các khu, cụm công nghiệp:

a) Khu công nghiệp Đông Phố Mới có diện tích 100 ha, thuộc địa bàn phường Phố Mới, thành phố Lào Cai;

b) Cụm công nghiệp Bắc Duyên Hải có diện tích 80 ha, thuộc địa bàn phường Duyên Hải, thành phố Lào Cai.

## **Chương II**

### **ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ TẠI KHU KINH TẾ CỬA KHẨU LÀO CAI**

#### **Mục 1**

#### **ƯU ĐÃI VỀ ĐẤT ĐAI**

**Điều 4. Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước và thu tiền thuê đất, thuê mặt nước**

1. Miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Miễn tiền thuê đất kể từ ngày dự án hoàn thành đưa vào hoạt động áp dụng như sau:

a) Miễn tiền thuê đất đối với các dự án đầu tư thuộc lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư (Phụ lục I kèm theo bản Quy định này).

Đơn vị cấp nước được miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với công trình cấp nước bao gồm: Công trình khai thác, xử lý nước, đường ống và công trình trên mạng lưới đường ống cấp nước; các công trình hỗ trợ quản lý, vận hành hệ thống cấp nước (nhà hành chính, nhà quản lý, điều hành, nhà xưởng, kho bãi vật tư, thiết bị).

b) Miễn tiền thuê đất 15 (mười lăm) năm đối với các dự án đầu tư thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư (Phụ lục II kèm theo bản Quy định này).

c) Miễn tiền thuê đất 11 (mười một) năm đối với các dự án đầu tư không thuộc đối tượng điều chỉnh tại Phụ lục I và Phụ lục II (kèm theo bản Quy định này).

2. Nhà đầu tư trong nước và nước ngoài đầu tư vào Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lào Cai khi thuê đất, thuê mặt nước ngoài được hưởng các ưu đãi quy định tại Khoản 2 Điều này còn được áp dụng mức giá thuê đất, thuê mặt nước bằng 30% giá thuê đất, thuê mặt nước áp dụng tại huyện có mức giá thuê đất, thuê mặt nước thấp nhất trong địa bàn tỉnh theo quy định của UBND tỉnh Lào Cai tính từ năm nhà đầu tư hết thời gian được hưởng ưu đãi nêu tại Khoản 2 Điều này trở đi.

3. Đơn giá thuê đất, thuê mặt nước được thực hiện theo quy định hiện hành của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai, phù hợp với từng dự án được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

4. Thời gian thuê đất của các dự án đầu tư tại Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai theo thời gian thuê đất ghi trong Giấy chứng nhận đầu tư cụ thể của từng dự án; khi hết thời hạn thuê đất nếu có nhu cầu tiếp tục sử dụng được xem xét gia hạn với điều kiện trong quá trình sử dụng chấp hành tốt các quy định của Luật Đất đai và các quy định hiện hành của Nhà nước.

### **Điều 5. Hỗ trợ kinh phí giải phóng mặt bằng, san tạo mặt bằng**

1. Nhà đầu tư có dự án đầu tư tại các Khu Kim Thành; Khu công nghiệp Đông Phố Mới, Cụm công nghiệp Bắc Duyên Hải: Không phải trả tiền đền bù, giải phóng mặt bằng nhưng phải nộp chi phí san tạo mặt bằng (nộp 1 lần) theo đơn giá cụ thể như sau:

| STT | Địa điểm             | Kinh phí san tạo mặt bằng (đồng/m <sup>2</sup> ) |
|-----|----------------------|--|
| 1   | Khu Kim Thành        | 143.779  |
| 2   | Cụm CN Bắc Duyên Hải | 124.762  |
| 3   | Khu CN Đông Phố Mới  | 140.251  |

2. Nhà đầu tư thuê đất thuộc diện tích chưa san tạo để xây dựng cơ sở kinh doanh dịch vụ thì không phải nộp chi phí san tạo mặt bằng quy định tại Khoản 1 Điều này và được phép tự tổ chức san tạo mặt bằng theo dự án được UBND tỉnh phê duyệt.

**Điều 6. Cơ quan giải quyết thủ tục thuê đất**

1. Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Lào Cai là cơ quan đầu mối tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh giới thiệu địa điểm đất, làm thủ tục cho thuê đất và thực hiện việc quản lý đất đai đối với các dự án nằm trong Cụm công nghiệp Bắc Duyên Hải và Khu công nghiệp Đông Phố Mới.

2. Ban Quản lý các cửa khẩu tỉnh Lào Cai là cơ quan đầu mối tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh giới thiệu địa điểm đất, làm thủ tục cho thuê đất và thực hiện việc quản lý đất đai đối với các dự án nằm trong Khu Kim Thành.

**Điều 7. Chính sách khai thác, sử dụng công trình kết cấu hạ tầng**

1. Nhà đầu tư có dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh trong Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai có sử dụng các công trình hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội trong khu phải trả tiền sử dụng hạ tầng.

2. Doanh nghiệp đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật - xã hội thuộc Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai được tổ chức quản lý, khai thác và thu tiền sử dụng hạ tầng của các Nhà đầu tư trong Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai đối với các công trình do mình đầu tư xây dựng, được tổ chức thu phí sử dụng các công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ và tiện ích công cộng khác trong Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai theo quy định của pháp luật.

3. Đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật - xã hội chung trong Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai không thuộc đối tượng được quy định tại Khoản 2 Điều này, trách nhiệm tổ chức quản lý, khai thác, duy tu, bảo dưỡng và thu tiền sử dụng hạ tầng của các công trình hạ tầng này được quy định như sau:

a) Ban quản lý các cửa khẩu Lào Cai có trách nhiệm tổ chức quản lý, khai thác, duy tu, bảo dưỡng và thu tiền sử dụng hạ tầng để đầu tư cho việc duy tu, bảo dưỡng, duy trì điều kiện phục vụ của các công trình hạ tầng này trong Khu Kim Thành.

b) Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Lào Cai có trách nhiệm tổ chức quản lý, khai thác, duy tu, bảo dưỡng và thu tiền sử dụng hạ tầng tại Cụm công nghiệp Bắc Duyên Hải và Khu công nghiệp Đông Phố Mới trong Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai.

**Điều 8. Quyền chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất**

1. Nhà đầu tư có dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh trong Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai được quyền chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trong thời hạn thuê đất khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Phù hợp với mục đích sử dụng đất của dự án đầu tư do Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai phê duyệt;

b) Đã hoàn thành xây dựng cơ bản theo đúng dự án được Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai phê duyệt;

c) Trường hợp có sự thay đổi mục đích đầu tư ban đầu của dự án thì việc chuyển

nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất chỉ thực hiện sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai phê duyệt.

2. Nhà đầu tư có dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh trong Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai khi muốn thực hiện quyền chuyển nhượng dự án tiến hành làm các thủ tục theo quy định như sau:

a) Ban quản lý các cửa khẩu Lào Cai là cơ quan đầu mối hướng dẫn, tiếp nhận và tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét phê duyệt quyền chuyển nhượng dự án trong Khu Kim Thành.

b) Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Lào Cai là cơ quan đầu mối hướng dẫn, tiếp nhận và tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét phê duyệt quyền chuyển nhượng dự án trong Cụm công nghiệp Bắc Duyên Hải và Khu công nghiệp Đông Phố Mới trong Khu Kinh tế cửa khẩu Lào Cai.

c) Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai là cơ quan đầu mối hướng dẫn, tiếp nhận và tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét phê duyệt quyền chuyển nhượng dự án đối với các dự án không thuộc đối tượng quy định tại Điểm a, Điểm b của Khoản này.

## Mục 2

### ƯU ĐÃI VỀ THUẾ VÀ HỖ TRỢ KHÁC

#### **Điều 9. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư vào Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

1. Được áp dụng thuế suất ưu đãi 10% (mười phần trăm) trong thời hạn 15 (mười lăm) năm kể từ năm đầu tiên doanh nghiệp có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế. Trường hợp thành lập mới từ dự án đầu tư thuộc loại dự án có quy mô lớn, công nghệ cao hoặc mới cần đặc biệt thu hút đầu tư thuộc các lĩnh vực quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 15 Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, thì thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi có thể kéo dài hơn nhưng tổng thời gian áp dụng thuế suất 10% (mười phần trăm) không quá 30 (ba mươi) năm. Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 04 (bốn) năm, giảm 50% (năm mươi phần trăm) số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 09 (chín) năm tiếp theo. Thời gian miễn, giảm thuế được tính liên tục từ năm đầu tiên doanh nghiệp có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư; trường hợp doanh nghiệp không có thu nhập chịu thuế trong 03 (ba) năm đầu kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ dự án đầu tư thì thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính từ năm thứ tư.

#### **Điều 10. Ưu đãi thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu**

Được quy định cụ thể tại: Điều 13 Quyết định số 33/2009/QĐ-TTg ngày 02/3/2009

của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành cơ chế, chính sách đối với Khu kinh tế cửa khẩu; Điều 12 Nghị định số 87/2010/NĐ-CP ngày 13/8/2010 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu; và các quy định khác có liên quan.

#### **Điều 11. Thuế thu nhập cá nhân**

Người Việt Nam và người nước ngoài làm việc tại Khu kinh tế cửa khẩu, có thu nhập từ việc làm tại Khu kinh tế cửa khẩu thuộc diện chịu thuế thu nhập cá nhân theo quy định tại Luật Thuế thu nhập cá nhân được giảm 50% số thuế phải nộp.

#### **Điều 12. Hỗ trợ về đào tạo**

Các doanh nghiệp đầu tư, sản xuất, kinh doanh tại các Khu Kim Thành, Cụm công nghiệp Bắc Duyên Hải và Khu công nghiệp Đông Phố Mới thuộc Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai được hỗ trợ kinh phí đào tạo 2 (hai) triệu đồng/lao động đã đào tạo trong 5 (năm) năm đầu kể từ khi dự án đi vào sản xuất kinh doanh khi có đủ các điều kiện sau:

1. Có dự án sử dụng ổn định từ 20 (hai mươi) lao động bình quân trong năm trở lên.
2. Cử lao động đi đào tạo tương đương trung cấp nghề trở lên tại các cơ sở đào tạo (có chứng chỉ đào tạo do các cơ sở đào tạo cấp) bằng kinh phí của doanh nghiệp.

### **Chương III**

## **ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ TẠI KHU KIM THÀNH**

#### **Điều 13. Loại hình kinh doanh chủ yếu trong Khu Kim Thành**

1. Sản xuất, gia công, tái chế, lắp ráp và đóng gói hàng xuất khẩu, hàng nhập khẩu và hàng phục vụ tại chỗ.
2. Thương mại hàng hoá (bao gồm cả xuất khẩu, nhập khẩu, chuyên khẩu, tạm nhập - tái xuất, chợ cửa khẩu, cửa hàng miễn thuế, siêu thị miễn thuế).
3. Thương mại dịch vụ (phân loại, đóng gói, vận chuyển, bảo quản, kho tàng, kho ngoại quan, bưu chính, viễn thông, tài chính, ngân hàng, vận tải, bảo hiểm, vui chơi giải trí, nhà hàng ăn uống, y tế...).
4. Kinh doanh khách sạn.
5. Kinh doanh Nhà hàng, nhà ở và các loại hình giải trí khác.
6. Xúc tiến thương mại (hội chợ triển lãm, các cửa hàng giới thiệu sản phẩm, các chi nhánh và văn phòng đại diện của các công ty trong nước và nước ngoài và các hoạt động thương mại khác):

#### **Điều 14. Quan hệ trao đổi hàng hoá, dịch vụ của Khu Kim Thành**

1. Quan hệ trao đổi hàng hoá, dịch vụ giữa Khu Kim Thành với nội địa là quan hệ xuất khẩu, nhập khẩu và phải thực hiện các thủ tục hải quan theo pháp luật Hải quan Việt Nam. Quan hệ trao đổi hàng hoá, dịch vụ giữa Khu Kim Thành với nước ngoài



được xem như quan hệ trao đổi giữa nước ngoài với nước ngoài.

2. Các tổ chức kinh tế hoạt động trong Khu Kim Thành được xuất khẩu ra nước ngoài và nhập khẩu từ nước ngoài tất cả hàng hoá, dịch vụ mà pháp luật Việt Nam không cấm.

3. Hàng hoá gia công, tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu qua Khu Kim Thành phải tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành về gia công, tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu và các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

4. Hàng hoá vận chuyển giữa Việt Nam với Trung Quốc qua Khu Kim Thành được tiến hành theo quy định hiện hành của mỗi nước và phù hợp với Hiệp định liên quan đã ký kết giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Trung Quốc.

### **Điều 15. Chính sách ưu đãi đầu tư áp dụng riêng đối với Khu Kim Thành**

Tổ chức, cá nhân thực hiện dự án đầu tư, hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong Khu Kim Thành ngoài được hưởng chính sách ưu đãi đầu tư trong khu Kinh tế cửa khẩu Lào Cai quy định tại các Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12 bản Quy định này còn được hưởng chính sách đặc thù riêng biệt, cụ thể:

1. Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu:

a) Hàng hóa từ Khu Kim Thành xuất khẩu ra nước ngoài hoặc nhập khẩu từ nước ngoài vào Khu Kim Thành và chỉ sử dụng trong Khu Kim Thành, hàng hóa đưa từ Khu Kim Thành sang khu phi thuế quan khác, hoặc từ khu phi thuế quan khác vào Khu Kim Thành không phải nộp thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

b) Hàng hóa sản xuất, gia công, tái chế, lắp ráp tại Khu Kim Thành khi xuất khẩu ra nước ngoài được miễn thuế xuất khẩu.

c) Hàng hóa sản xuất, gia công, tái chế, lắp ráp tại Khu Kim Thành không sử dụng nguyên liệu, vật tư, linh kiện, bán thành phẩm nhập khẩu từ nước ngoài khi nhập khẩu vào nội địa Việt Nam được miễn thuế nhập khẩu; trường hợp có sử dụng nguyên liệu, vật tư, linh kiện, bán thành phẩm nhập khẩu từ nước ngoài thì khi nhập khẩu vào nội địa Việt Nam phải nộp thuế nhập khẩu tính trên phần nguyên liệu, vật tư, linh kiện, bán thành phẩm nhập khẩu cấu thành trong hàng hóa đó. Việc xác định thuế nhập khẩu phải nộp đối với phần nguyên liệu, vật tư, linh kiện, bán thành phẩm nhập khẩu từ nước ngoài cấu thành trong hàng hóa nhập vào nội địa Việt Nam thực hiện như sau:

Trường hợp tổ chức, cá nhân nhập khẩu vào nội địa đã có đăng ký với cơ quan Hải quan về danh mục hàng hóa nhập khẩu sử dụng làm nguyên liệu, vật tư, linh kiện, bán thành phẩm sản xuất hàng nhập khẩu vào nội địa và định mức nguyên liệu, vật tư, linh kiện bán thành phẩm dùng để sản xuất hàng nhập khẩu trước khi nhập vào nội địa Việt Nam thì việc xác định thuế nhập khẩu phải nộp căn cứ vào số lượng, mức thuế suất và giá tính thuế của phần nguyên liệu, vật tư, linh kiện, bán thành phẩm nhập khẩu từ nước ngoài cấu thành trong hàng hóa.

Trường hợp không xác định được số thuế nhập khẩu thì thuế nhập khẩu được tính theo mức thuế suất và giá tính thuế của mặt hàng sản xuất, gia công, tái chế, lắp ráp nhập khẩu vào nội địa Việt Nam tại thời điểm mở tờ khai hải quan.

d) Hàng nhập khẩu vào Khu Kim Thành để sản xuất còn thừa và còn giá trị thương mại khi được bán vào nội địa Việt Nam và phải nộp thuế nhập khẩu theo quy định.

e) Đối với hàng hóa sản xuất, gia công, tái chế, lắp ráp tại Khu Kim Thành khi được đưa vào nội địa Việt Nam nếu đủ điều kiện áp dụng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi hoặc thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt thì được áp dụng thuế suất thuế nhập khẩu đó theo quy định của pháp luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

## 2. Thuế giá trị gia tăng:

a) Hàng hóa, dịch vụ sản xuất, tiêu thụ trong Khu Kim Thành, hàng hóa, dịch vụ nhập khẩu từ nước ngoài vào Khu Kim Thành và hàng hóa, dịch vụ từ Khu Kim Thành xuất ra nước ngoài thuộc diện không chịu thuế giá trị gia tăng.

b) Hàng hóa, dịch vụ từ các khu chức năng khác trong Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai và hàng hóa, dịch vụ từ nội địa Việt Nam đưa vào Khu Kim Thành được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng là 0% (không phần trăm). Hàng hóa, dịch vụ phải kiểm tra trước khi hoàn thuế được căn cứ theo danh mục do Bộ Tài chính ban hành.

c) Hàng hóa, dịch vụ từ Khu Kim Thành đưa vào tiêu thụ tại các khu chức năng khác trong Khu Kinh tế cửa khẩu Lào Cai hoặc đưa vào tiêu thụ trong nội địa Việt Nam phải chịu thuế giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật.

## 3. Thuế tiêu thụ đặc biệt:

a) Hàng hóa thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt được sản xuất, tiêu thụ trong Khu Kim Thành hoặc nhập khẩu từ nước ngoài và từ nội địa Việt Nam vào Khu Kim Thành không phải chịu thuế tiêu thụ đặc biệt (trừ ô tô dưới 24 chỗ ngồi).

b) Hàng hóa thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt từ Khu Kim Thành xuất khẩu ra nước ngoài không phải chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

## Chương IV

### ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

#### Điều 16. Quy định chuyển tiếp

1. Doanh nghiệp đang hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 09/2003/QH11 và các văn bản pháp luật khác có liên quan ban hành trước ngày Nghị định số 124/2008/NĐ-CP có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được hưởng các ưu đãi theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 09/2003/QH11 và các văn bản pháp luật khác có liên quan cho thời gian còn lại; trường hợp mức ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp (bao gồm mức thuế suất ưu đãi và thời gian miễn, giảm thuế) thấp hơn mức ưu đãi quy định của Quy định này thì doanh nghiệp được áp dụng ưu đãi thuế theo quy định của Quy định

này cho thời gian còn lại.

2. Việc xác định thời gian và các điều kiện khác để tính thuế Thu nhập doanh nghiệp (bao gồm cả xét miễn thuế, giảm thuế) được thực hiện theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 124/2008/NĐ-CP.

**Điều 17. Triển khai thực hiện**

Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai là đầu mối phối hợp với các sở, ngành có liên quan hướng dẫn, tổ chức thực hiện Quy định này.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các ý kiến kịp thời phản ánh về Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai xem xét, quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH  
CHỦ TỊCH**

*(đã ký)*

**Nguyễn Văn Vịnh**

**Phụ lục I****DANH MỤC LĨNH VỰC ĐẶC BIỆT ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ  
TẠI KHU KINH TẾ CỬA KHẨU LÀO CAI**

*(Được thực hiện theo quy định tại Mục A Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ)*

**I. Sản xuất vật liệu mới, năng lượng mới; sản xuất sản phẩm công nghệ cao, công nghệ sinh học, công nghệ thông tin; cơ khí chế tạo**

1. Sản xuất vật liệu composit, các loại vật liệu xây dựng nhẹ, vật liệu quý hiếm.
2. Sản xuất thép cao cấp, hợp kim, kim loại đặc biệt, sắt xốp, phôi thép.
3. Đầu tư xây dựng cơ sở sử dụng năng lượng mặt trời, năng lượng gió, khí sinh vật, địa nhiệt.
4. Sản xuất thiết bị y tế trong công nghệ phân tích và công nghệ chiết xuất trong y học; dụng cụ chỉnh hình, xe, dụng cụ chuyên dùng cho người tàn tật.
5. Ứng dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ sinh học để sản xuất thuốc chữa bệnh cho người đạt tiêu chuẩn GMP quốc tế; sản xuất nguyên liệu thuốc kháng sinh.
6. Sản xuất máy tính, thiết bị thông tin, viễn thông, internet và sản phẩm công nghệ thông tin trọng điểm.
7. Sản xuất chất bán dẫn và các linh kiện điện tử kỹ thuật cao; sản xuất sản phẩm phần mềm, nội dung thông tin số; cung cấp các dịch vụ phần mềm, nghiên cứu công nghệ thông tin, đào tạo nguồn nhân lực công nghệ thông tin.
8. Đầu tư sản xuất, chế tạo thiết bị cơ khí chính xác; thiết bị, máy móc kiểm tra, kiểm soát an toàn quá trình sản xuất công nghiệp; rô bốt công nghiệp.

**II. Nuôi trồng, chế biến nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; sản xuất giống nhân tạo, giống cây trồng và giống vật nuôi mới**

9. Trồng, chăm sóc rừng và chế biến các sản phẩm từ rừng trồng.
10. Nuôi trồng nông, lâm, thủy sản trên đất hoang hoá vùng nước chưa được khai thác.
11. Sản xuất giống nhân tạo, giống cây trồng, vật nuôi mới và có hiệu quả kinh tế cao.

**III. Sử dụng công nghệ cao, kỹ thuật hiện đại; bảo vệ môi trường sinh thái; nghiên cứu, phát triển và ươm tạo công nghệ cao**

12. Ứng dụng công nghệ cao; ứng dụng công nghệ mới chưa được áp dụng tại Việt Nam; ứng dụng công nghệ sinh học.
13. Xử lý ô nhiễm và bảo vệ môi trường; sản xuất thiết bị xử lý ô nhiễm môi trường, thiết bị quan trắc và phân tích môi trường.
14. Thu gom, xử lý nước thải, khí thải, chất thải rắn; tái chế, tái sử dụng chất thải.

15. Nghiên cứu, phát triển và ươm tạo công nghệ cao.

#### **IV. Sử dụng nhiều lao động**

16. Dự án sử dụng thường xuyên từ 5.000 lao động trở lên.

#### **V. Xây dựng và phát triển kết cấu hạ tầng và các dự án quan trọng**

17. Đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và các dự án quan trọng do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

#### **VI. Phát triển sự nghiệp giáo dục, đào tạo, y tế, thể dục và thể thao**

18. Đầu tư xây dựng cơ sở cai nghiện ma túy, cai nghiện thuốc lá.

19. Đầu tư thành lập cơ sở thực hiện vệ sinh phòng chống dịch bệnh.

20. Đầu tư thành lập trung tâm lão khoa, hoạt động cứu trợ tập trung, chăm sóc người tàn tật, trẻ mồ côi.

21. Đầu tư xây dựng: Trung tâm đào tạo, huấn luyện thể thao thành tích cao và đào tạo, huấn luyện thể thao cho người tàn tật; xây dựng cơ sở thể thao có thiết bị, phương tiện luyện tập và thi đấu đáp ứng yêu cầu tổ chức các giải đấu quốc tế.

#### **VII. Những lĩnh vực sản xuất, dịch vụ khác**

22. Đầu tư vào nghiên cứu và phát triển chiếm 25% doanh thu trở lên.

23. Đầu tư xây dựng chung cư cho công nhân làm việc tại khu KTCK Lào Cai; đầu tư xây dựng ký túc xá sinh viên và xây dựng nhà ở cho các đối tượng chính sách xã hội.

**Phụ lục II****DANH MỤC LĨNH VỰC ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ  
TẠI KHU KINH TẾ CỬA KHẨU LÀO CAI**

*(Được thực hiện theo quy định tại Mục B Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ)*

**I. Sản xuất vật liệu mới, năng lượng mới; sản xuất sản phẩm công nghệ cao, công nghệ sinh học, công nghệ thông tin, cơ khí chế tạo**

1. Sản xuất: Vật liệu cách âm, cách điện, cách nhiệt cao; vật liệu tổng hợp thay thế gỗ; vật liệu chịu lửa; chất dẻo xây dựng; sợi thủy tinh; xi măng đặc chủng.

2. Sản xuất kim loại màu, luyện gang.

3. Sản xuất khuôn mẫu cho các sản phẩm kim loại và phi kim loại.

4. Đầu tư xây dựng mới nhà máy điện, phân phối điện, truyền tải điện.

5. Sản xuất trang thiết bị y tế, xây dựng kho bảo quản dược phẩm, dự trữ thuốc chữa bệnh cho người đề phòng thiên tai, thảm họa, dịch bệnh nguy hiểm.

6. Sản xuất thiết bị kiểm nghiệm độc chất trong thực phẩm.

7. Phát triển công nghiệp hoá dầu.

8. Sản xuất than cốc, than hoạt tính.

9. Sản xuất: Thuốc bảo vệ thực vật, thuốc trừ sâu bệnh; thuốc phòng, chữa bệnh cho động vật, thủy sản; thuốc thú y.

10. Nguyên liệu thuốc và thuốc phòng chống các bệnh xã hội; vắc xin; sinh phẩm y tế; thuốc từ dược liệu; thuốc đông y.

11. Đầu tư xây dựng cơ sở thử nghiệm sinh học, đánh giá tính khả dụng của thuốc; cơ sở dược đạt tiêu chuẩn thực hành tốt trong sản xuất, bảo quản, kiểm nghiệm, thử nghiệm lâm sàng thuốc, nuôi trồng, thu hoạch và chế biến dược liệu.

12. Phát triển nguồn dược liệu và sản xuất thuốc từ dược liệu; dự án nghiên cứu, chứng minh cơ sở khoa học của bài thuốc đông y và xây dựng tiêu chuẩn kiểm nghiệm bài thuốc đông y; khảo sát, thống kê các loại dược liệu làm thuốc; sưu tầm, kế thừa và ứng dụng các bài thuốc đông y, tìm kiếm, khai thác sử dụng dược liệu mới.

13. Sản xuất sản phẩm điện tử.

14. Sản xuất máy móc, thiết bị, cụm chi tiết trong các lĩnh vực: khai thác dầu khí, mỏ, năng lượng, xi măng; sản xuất thiết bị nâng hạ cỡ lớn; sản xuất máy công cụ gia công kim loại, thiết bị luyện kim.

15. Đầu tư sản xuất khí cụ điện trung, cao thế, máy phát điện cỡ lớn.

16. Đầu tư sản xuất động cơ diezen.

17. Sản xuất: Thiết bị, xe, máy xây dựng; thiết bị kỹ thuật cho ngành vận tải; đầu máy xe lửa, toa xe.

18. Đầu tư sản xuất máy công cụ, máy móc, thiết bị, phụ tùng, máy phục vụ cho sản xuất nông, lâm nghiệp, máy chế biến thực phẩm, thiết bị tưới tiêu.

19. Đầu tư sản xuất thiết bị, máy cho ngành dệt, ngành may, ngành da.

## **II. Nuôi trồng, chế biến nông, lâm, thủy sản; sản xuất giống nhân tạo, giống cây trồng và giống vật nuôi mới**

20. Trồng cây dược liệu.

21. Đầu tư bảo quản nông sản sau thu hoạch, bảo quản nông, thủy sản và thực phẩm.

22. Sản xuất nước hoa quả đóng chai, đóng hộp.

23. Sản xuất, tinh chế thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản.

24. Dịch vụ kỹ thuật trồng cây công nghiệp và cây lâm nghiệp, chăn nuôi, thủy sản, bảo vệ cây trồng, vật nuôi.

25. Sản xuất, nhân và lai tạo giống cây trồng và vật nuôi.

## **III. Sử dụng công nghệ cao, kỹ thuật hiện đại; bảo vệ môi trường sinh thái; nghiên cứu, phát triển và ươm tạo công nghệ cao**

26. Sản xuất thiết bị xử lý chất thải.

27. Đầu tư xây dựng cơ sở, công trình kỹ thuật: phòng thí nghiệm, trạm thí nghiệm nhằm ứng dụng công nghệ mới vào sản xuất; đầu tư thành lập viện nghiên cứu.

## **IV. Sử dụng nhiều lao động**

28. Dự án sử dụng thường xuyên từ 500 lao động đến 5.000 lao động.

## **V. Xây dựng và phát triển kết cấu hạ tầng**

29. Xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã và phục vụ đời sống cộng đồng nông thôn.

30. Đầu tư kinh doanh hạ tầng và đầu tư sản xuất trong cụm công nghiệp, điểm công nghiệp, cụm làng nghề nông thôn.

31. Xây dựng nhà máy nước, hệ thống cấp nước phục vụ sinh hoạt, phục vụ công nghiệp, đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước.

32. Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư tập trung ở địa bàn thuộc Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ.

## **VI. Phát triển sự nghiệp giáo dục, đào tạo, y tế, thể dục, thể thao và văn hóa dân tộc**

33. Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng của các cơ sở giáo dục, đào tạo; đầu tư xây dựng trường học, cơ sở giáo dục, đào tạo dân lập, tư thục ở các bậc học: Giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề, giáo dục đại học.

34. Thành lập bệnh viện dân lập, bệnh viện tư nhân.

35. Xây dựng: Trung tâm thể dục, thể thao; nhà tập luyện, câu lạc bộ thể dục thể

thao; cơ sở sản xuất, chế tạo, sửa chữa trang thiết bị, phương tiện tập luyện thể dục thể thao.

36. Thành lập: Nhà văn hoá dân tộc; đoàn ca, múa, nhạc dân tộc; rạp hát, trường quay, cơ sở in tráng phim, rạp chiếu phim; sản xuất, chế tạo, sửa chữa nhạc cụ dân tộc; duy tu, bảo tồn bảo tàng, nhà văn hoá dân tộc và các trường văn hóa nghệ thuật.

37. Đầu tư xây dựng: Khu du lịch quốc gia, khu du lịch sinh thái; khu công viên văn hóa có các hoạt động thể thao, vui chơi, giải trí.

## **VII. Phát triển ngành nghề truyền thống**

38. Xây dựng và phát triển các ngành nghề truyền thống sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ, chế biến nông sản thực phẩm và các sản phẩm văn hóa.

## **VIII. Những lĩnh vực sản xuất và dịch vụ khác**

39. Cung cấp dịch vụ kết nối, truy cập và ứng dụng internet, các điểm truy cập điện thoại công cộng tại địa bàn quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ.

40. Phát triển vận tải công cộng bao gồm: Vận tải bằng đường sắt; vận tải hành khách đường bộ bằng xe ô tô từ 24 chỗ ngồi trở lên; vận tải bằng công-ten- nơ.

41. Đầu tư di chuyển cơ sở sản xuất ra khỏi nội thị.

42. Đầu tư xây dựng chợ loại I, khu triển lãm.

43. Sản xuất đồ chơi trẻ em.

44. Hoạt động huy động vốn, cho vay vốn của Quỹ tín dụng nhân dân.

45. Tư vấn pháp luật, dịch vụ tư vấn về sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ.

46. Sản xuất các loại nguyên liệu thuốc trừ sâu bệnh.

47. Sản xuất hoá chất cơ bản, hoá chất tinh khiết, hoá chất chuyên dùng, thuốc nhuộm.

48. Sản xuất nguyên liệu chất tẩy rửa, phụ gia cho ngành hoá chất.

49. Sản xuất giấy, bìa, ván nhân tạo trực tiếp từ nguồn nguyên liệu nông, lâm sản trong nước; sản xuất bột giấy.

50. Dệt vải, hoàn thiện các sản phẩm dệt; sản xuất tơ, sợi các loại; thuộc, sơ chế da.

51. Dự án đầu tư sản xuất trong các khu công nghiệp do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập.